

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN THỊ HIỀN

XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC
BẢO VỆ RỪNG SẢN XUẤT, TỪ THỰC TIỄN
TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Duy Phương

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	5
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	5
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.....	6
7. Kết cấu của đề tài	6
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ RỪNG SẢN XUẤT	7
1.1. Khái niệm, đặc điểm xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất	7
1.1.1. Khái niệm tài nguyên rừng, rừng, rừng sản xuất	7
1.1.2. Khái niệm về xử lý vi phạm.....	7
1.1.3. Khái niệm và đặc điểm pháp luật về xử lý vi phạm	7
1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.....	9
1.2.1. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất	9
1.2.2. Pháp luật về xử lý vi phạm hình sự đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.....	10
1.2.3. Pháp luật về xử lý vi phạm dân sự đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.....	10
Kết luận chương 1	11
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC RỪNG SẢN XUẤT Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH	11
2.1. Thực trạng pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất	11
2.1.1. Pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất	11
2.1.2. Pháp luật xử lý vi phạm hình sự đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.....	12

2.1.3. Pháp luật xử lý vi phạm dân sự đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.....	12
2.2. Thực trạng vi phạm đối với rừng sản xuất tại tỉnh Bình Định. 12	
2.2.1. Thực trạng vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Định	12
2.2.2. Nguyên nhân vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Định	13
2.3. Thực trạng xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định	15
2.3.1. Tình hình xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định	15
2.3.2. Kết quả đạt được.....	15
2.3.3. Những vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật để xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Định	18
Kết luận chương 2	18
Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ RỪNG SẢN XUẤT	19
3.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng	19
3.2. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.....	19
3.2.1. Những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.....	19
3.3. Kiến nghị	19
3.3.1. Việc thực hiện và áp dụng, triển khai pháp luật.....	19
3.3.2. Đối với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	19
3.3.3. Đối với cơ quan kiểm lâm	19
3.3.4. Đối với chính quyền địa phương.....	19
Kết luận chương 3	19
KẾT LUẬN	19

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Quá trình phát triển, với sự khéo léo và trí thông minh, loài người đã biết khai thác những nguồn tài nguyên thiên nhiên ngày càng một hiệu quả hơn để phục vụ cho cuộc sống, xác định vai trò thống trị của mình trên trái đất. Xã hội ngày nay, đời sống con người được nâng cao với một tốc độ ngày càng nhanh. Và để đáp ứng nhu cầu của con người càng ngày càng cao, tốc độ khai thác các nguồn tài nguyên từ thiên nhiên cũng ngày càng tăng lên. Cùng với sự phát triển về khoa học công nghệ, tốc độ khai thác các nguồn tài nguyên đã vượt quá tốc độ tự phục hồi của tự nhiên. Trong các loại tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên rừng đóng vai trò vô cùng quan trọng. Nhưng đây cũng là loại tài nguyên dễ khai thác nhất, điều này kéo theo việc rừng cũng nằm trong nhóm nguy cơ bị tàn phá cao nhất. Hậu quả của việc khai thác vượt quá tầm kiểm soát rừng đó là tính cân bằng tự nhiên của các cánh rừng gần như không còn nữa. Rừng có vai trò là duy trì cân bằng hệ sinh thái và sự đa dạng sinh học trên hành tinh chúng ta, duy trì tính ổn định, độ màu mỡ của đất, hạn chế lũ lụt, hạn hán, ngăn chặn xói mòn đất, làm giảm nhẹ sức tàn phá khốc liệt của thiên tai, bảo tồn nguồn nước mặt, nước ngầm và làm giảm mức ô nhiễm không khí và nước. Vì vậy, việc xây dựng một hệ thống các quy định pháp luật về bảo vệ rừng cũng như cơ chế đảm bảo thực hiện việc xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo rừng đang được sự quan tâm rất lớn của các nước trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

Bình Định là tỉnh duyên hải miền Trung của Tổ quốc Việt Nam. Lãnh thổ của tỉnh trải dài 110 km theo hướng Bắc - Nam, có chiều ngang hẹp trung bình 55 km (chỗ hẹp nhất 50 km, chỗ rộng nhất 60 km). Tính đến năm 2018 thì diện tích tự nhiên của toàn tỉnh là 607.133.33 ha. Bình Định có tổng diện tích đất lâm nghiệp 393.915.22 ha. Diện tích đất có rừng 310.362.44 ha, gồm: Rừng tự nhiên 215.873.14 ha, rừng trồng 94.489.30 ha; đất chưa có rừng trong quy hoạch lâm nghiệp 83.552.78 ha. Đất lâm nghiệp phân theo chức năng: chức năng đặc dụng 33.217.66 ha; chức năng phòng hộ: 192.760.60 ha; chức năng sản xuất: 167.936.96 ha; độ che phủ rừng là 54.88%. Công tác bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng được các cấp, ngành từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm chỉ đạo. Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và quản lý lâm sản đã được ban hành kịp

thời, khá đầy đủ làm cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp. Tuy nhiên, địa bàn tại các xã miền núi và trung du địa hình rất hiểm trở, chia cắt sâu nên không thể tuần tra, kiểm soát thường xuyên hết diện tích rừng trên địa bàn, dẫn đến tình trạng không thể kịp thời phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm. Một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền cấp các cấp buông lỏng quản lý, chưa phân định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức, cơ quan, địa phương, coi nhiệm vụ bảo vệ rừng là của kiểm lâm, chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc có hiệu quả Chỉ thị số 1685/CT-TTg và Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng. Việc xử lý các vụ vi phạm trong công tác bảo vệ rừng tại một số địa phương trong tỉnh chưa nghiêm, thiếu triệt để nên không đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm dẫn đến tình trạng người dân tiếp tục phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp để trồng rừng kinh tế. Tinh thần trách nhiệm, năng lực, trình độ chuyên môn của kiểm lâm địa bàn và chủ rừng còn yếu nên công tác tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa được tốt dẫn đến tình trạng rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm vẫn xảy ra nhiều. Diện tích rừng trồng trên địa bàn tỉnh rất lớn, song việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân còn rất ít, chưa được quan tâm, chú trọng nên gây khó khăn trong việc khai thác rừng trồng.

Trước tình hình trên, nhiệm vụ cấp thiết trước mắt là cần phải tìm ra các biện pháp khắc phục những hậu quả do suy thoái tài nguyên rừng gây ra. Bên cạnh các nguyên nhân về kinh tế - xã hội, một phần lý do của tình hình trên là do các văn bản pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng và xử lý các vi phạm trong công tác bảo vệ rừng ở nước ta cũng mới chỉ dừng lại ở các quy định mà hiệu quả thực thi chưa cao. Vì những lý do trên tác giả chọn đề tài "***Xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất, từ thực tiễn tại tỉnh Bình Định***" để nghiên cứu luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong thời gian qua, đã có các đề tài, công trình nghiên cứu về một số lĩnh vực liên quan đến đề tài luận văn như:

1. Nguyễn Văn Dũng (2009), "*Bàn về tội hủy hoại rừng theo Điều 189 BLHS*", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, tr. 30¹.

¹ Nguyễn Văn Dũng (2009), "Bàn về tội hủy hoại rừng theo Điều 189 BLHS", *Tạp chí Tòa án nhân dân*, tr. 30

Trong bài viết này, tác giả đi vào phân tích một số vấn đề về tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng", về mức định lượng được quy định trong văn bản hướng dẫn cho Điều 189 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, tác giả kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề đã phân tích như sửa đổi quy định hướng dẫn về tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng", kiến nghị bổ sung mức định lượng và cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự trong văn bản hướng dẫn. Bài viết là cơ sở quan trọng giúp cho tác giả đánh giá được bất cập trong quy định của tội hủy hoại rừng về tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng" và là cơ sở cho việc xây dựng nội dung cần thiết trong việc nghiên cứu quy định về tội này của đề tài.

2. Nguyễn Thị Ngọc Bích (2010), "*Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng*", Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học luật Hà Nội.

Tác giả đã làm rõ khái niệm, đặc điểm vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo rừng, đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng, trên cơ sở đó tìm ra những bất cập, vướng mắc ngay trong các quy định và thực tiễn áp dụng, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng.²

3. Phạm Đình Hùng (2011), "*Đảm bảo hiệu quả xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay*", Luận văn thạc sĩ quản lý công, Học viện hành chính quốc gia³, tác giả đưa ra các biện pháp nhằm thực hiện có hiệu quả việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ rừng.

4. Nguyễn Thanh Huyền (2012), "*Hoàn thiện pháp luật về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam hiện nay*", Luận án Tiến sĩ Luật học, chuyên ngành Luật kinh tế, trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội⁴.

Trong nội dung của Luận án này, tác giả tập trung đi vào phân tích những vấn đề lý luận và đánh giá thực trạng, nêu ra những ưu điểm và những bất cập của pháp luật quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng hiện hành. Từ đó, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật

²Nguyễn Thị Ngọc Bích (2010), *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học luật Hà Nội

³Phạm Đình Hùng (2011), *Đảm bảo hiệu quả xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay*, Luận văn thạc sĩ quản lý công, Học viện hành chính quốc gia

⁴Nguyễn Thanh Huyền (2012), *Hoàn thiện pháp luật về quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, chuyên ngành Luật kinh tế, trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng của nước ta. Luận án đã giúp tác giả có cái nhìn bao quát hơn về việc bảo vệ tài nguyên rừng bằng pháp luật, trong đó có pháp luật hình sự, đây là cơ sở cho Luận văn nghiên cứu sâu hơn quy định về tội hủy hoại rừng.

5. Lê Thị Phương Minh (2013), “*Tội hủy hoại rừng trong luật hình sự Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tác giả phân tích một cách có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận về Tội hủy hoại rừng như: Khái niệm Tội hủy hoại rừng, các dấu hiệu pháp lý cơ bản trong cấu thành tội phạm của Tội hủy hoại rừng, phân biệt tội phạm này với các tội phạm khác có liên quan, đường lối xử lý đối với người phạm Tội hủy hoại rừng. Tìm hiểu thực tiễn xét xử Tội hủy hoại rừng, đi sâu phân tích những tồn tại xung quanh việc quy định trên phương diện lý luận Tội hủy hoại rừng. Từ đó đề xuất kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật hình sự, xây dựng mô hình lý luận của Bộ luật Hình sự về Tội hủy hoại rừng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng.

Kế thừa kết quả các công trình nghiên cứu trên, luận văn tiếp tục nghiên cứu xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất, từ thực tiễn tại tỉnh Bình Định.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Qua việc nghiên cứu, làm rõ cơ sở lý luận, các quy định của pháp luật, cũng như thực tiễn xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất. Tác giả đề xuất các giải pháp để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận văn làm rõ và giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.

- Làm rõ các quy định pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.

- Phân tích thực trạng pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất nói chung và trên địa bàn tỉnh Bình Định nói riêng.

- Đề xuất định hướng và giải pháp cụ thể góp phần hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Cơ sở lý luận của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực rừng sản xuất.

- Nghiên cứu những quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ rừng sản xuất.

- Nghiên cứu thực tiễn áp dụng những quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ rừng sản xuất.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu các vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất, nghiên cứu làm rõ xử lý hành chính, hình sự và dân sự đối với hành vi vi phạm rừng trồng, rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất và đưa ra giải pháp kiến nghị để nâng cao công tác bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Phạm vi về không gian: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu giới hạn phạm vi trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Phạm vi về thời gian: Các số liệu, thông tin được sử dụng để nghiên cứu luận văn từ năm 2014-2018.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu triển khai trên cơ sở lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, cụ thể là chủ nghĩa Duy vật biện chứng, chủ nghĩa Duy vật lịch sử làm cơ sở nghiên cứu và định hướng cho việc nghiên cứu. Lấy tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm định hướng xuyên suốt trong quá trình phân tích, đánh giá làm rõ đề tài nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu luận văn, tác giả đã sử dụng đồng bộ các phương pháp sau:

Phương pháp phân tích, diễn dịch được dùng để làm rõ nội hàm các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực rừng sản xuất tại Chương 1. Đồng thời sử dụng phương pháp phân tích để phân

tích những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực rừng sản xuất tại Chương 1 và Chương 2.

Tại Chương 2 tác giả đã sử dụng phương pháp thống kê, tổng hợp làm cơ sở chứng minh cho phân lý luận.

Để làm rõ các quan điểm của tác giả tại Chương 2, tác giả đã sử dụng phương pháp đánh giá, bình luận.

Phương pháp quy nạp được tác giả sử dụng tại Chương 3 để đưa ra các giải pháp trên cơ sở đã phân tích thực tiễn tại Chương 3.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa lý luận

Trên cơ sở hệ thống hóa các khái niệm và phân tích các đặc điểm của việc áp dụng pháp luật chuyên ngành, luận văn góp phần bổ sung, làm phong phú thêm khái niệm tài nguyên rừng, khái niệm rừng, các quy định của pháp luật cũng như việc áp dụng các quy định của pháp luật về xử lý hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần nâng cao nhận thức và khả năng thực hiện áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đánh giá thực trạng và thực tiễn áp dụng những quy định pháp luật để xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ rừng sản xuất trong thời gian từ năm 2014-2018 tại tỉnh Bình Định. Đồng thời đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng trong công tác bảo vệ rừng trong thời gian tới.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của Luận văn được cấu trúc thành 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực rừng sản xuất ở tỉnh Bình Định

Chương 3: Phương hướng và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ RỪNG SẢN XUẤT

1.1. Khái niệm, đặc điểm xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

1.1.1. Khái niệm tài nguyên rừng, rừng, rừng sản xuất

Tại Điều 3 Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 quy định: Rừng là một hệ sinh thái bao gồm quần thể thực vật rừng, động vật rừng, vi sinh vật rừng, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó cây gỗ, tre nứa hoặc hệ thực vật đặc trưng là thành phần chính có độ che phủ của tán rừng từ 0,1 trở lên. Rừng gồm rừng trồng và rừng tự nhiên trên đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng.

Ngày 01 tháng 01 năm 2019 Luật lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017 có hiệu lực thay thế Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11, tại đây một lần nữa khái niệm về Rừng, Rừng sản xuất được đưa ra, cụ thể:

Rừng là một hệ sinh thái bao gồm các loài thực vật rừng, động vật rừng, nấm, vi sinh vật, đất rừng và các yếu tố môi trường khác, trong đó thành phần chính là một hoặc một số loài cây thân gỗ, tre, nứa, cây họ cau có chiều cao được xác định theo hệ thực vật trên núi đất, núi đá, đất ngập nước, đất cát hoặc hệ thực vật đặc trưng khác; diện tích liên vùng từ 0,3 ha trở lên; độ tàn che từ 0,1 trở lên.

Căn cứ vào mục đích sử dụng chủ yếu, rừng tự nhiên và rừng trồng được phân thành 03 loại: Rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Trong đó: Rừng sản xuất được sử dụng chủ yếu để cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

1.1.2. Khái niệm về xử lý vi phạm

Vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, có lỗi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

Vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất là những hành vi trái pháp luật, có lỗi do các cá nhân hoặc tổ chức có đủ trách nhiệm năng lực pháp lý thực hiện, vi phạm các hoạt động lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.

1.1.3. Khái niệm và đặc điểm pháp luật về xử lý vi phạm

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính chất bắt buộc chung do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí nhà nước của giai cấp thống trị trên cơ sở ghi nhận các nhu cầu về lợi ích của toàn xã hội, được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội với mục đích trật tự và ổn định xã hội vì sự phát triển bền vững của xã hội. Pháp luật có ba chức năng: điều chỉnh, bảo vệ và giáo dục. Sở dĩ pháp luật có chức năng bảo vệ vì trong xã hội vẫn tồn tại những “vi phạm pháp luật” – là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến các lợi ích của xã hội, quyền và lợi ích của công dân, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện một cách có lỗi. Và người vi phạm pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý – hậu quả của vi phạm pháp luật và được thể hiện trong việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

Vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất là những hành vi trái pháp luật, có lỗi do các cá nhân hoặc tổ chức có đủ trách nhiệm năng lực pháp lý thực hiện, vi phạm các hoạt động lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất.

Xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất là việc các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các văn bản pháp luật để xử phạt các chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý đã có hành vi vi phạm pháp luật đối với rừng sản xuất.

Đặc điểm pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất:

- Hệ thống pháp luật xử phạt bao gồm nhiều văn bản quy phạm pháp luật hợp thành: Đối với xử lý hình sự gồm có Bộ luật Hình sự và các văn bản hướng dẫn; Xử lý hành chính bao gồm Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định 157/2013 và các quyết định, thông tư, hướng dẫn liên quan đến rừng sản xuất; Đối với xử lý dân sự thì bắt buộc phải căn cứ vào Bộ luật Dân sự. Tùy vào tính chất và mức độ vi phạm mà các chủ thể áp dụng hình thức xử phạt phù hợp tương xứng với mỗi hành vi.

- Chủ thể áp dụng xử phạt là những cá nhân, tổ chức có thẩm quyền được quy định rõ trong từng văn bản, từng điều luật cụ thể.

- Hình thức xử phạt gồm nhiều hình thức xử phạt khác nhau: Xử lý hình sự được thể hiện bằng bản án có hiệu lực pháp luật, hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn, cải tạo không giam giữ, phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc đảm nhận công việc nhất định. Xử lý hành chính chủ yếu là xử phạt bằng hình thức phạt tiền. Xử lý dân sự

chủ yếu bồi thường thiệt hại bằng hình thức hoán đổi bằng tiền hoặc trồng lại, chăm sóc cây rừng.

- Hành vi vi phạm gây hậu quả vượt quá mức tối đa xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định 157/2013 thì chuyển xử lý hình sự (Điều 7 Nghị Định 157/2013).

- Hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng không ổn định: Điều này cũng phù hợp với thực tế, mỗi ngày hành vi của các đối tượng diễn biến phức tạp đòi hỏi các nhà làm luật phải thay đổi cho phù hợp với thực tiễn áp dụng.

1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

1.2.1. Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013 đã quy định một cách cụ thể, chi tiết về khái niệm vi phạm hành chính: Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

Lần đầu tiên khái niệm “Vi phạm hành chính” được định nghĩa một cách chính thức tại Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính ngày 30/11/1989, tại Điều 1 Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính quy định “Vi phạm hành chính là do hành vi cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm quy tắc quản lý Nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính”.

*** Chủ thể vi phạm**

Chủ thể bao gồm cá nhân hoặc tổ chức có đầy đủ năng lực chủ thể theo quy định của pháp luật.

Đối với cá nhân

Chủ thể là cá nhân bao gồm là công dân Việt Nam, người nước ngoài. Cá nhân thì phải có năng lực chủ thể. Năng lực chủ thể gồm năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Năng lực pháp luật phát sinh khi cá nhân sinh ra và chấm dứt khi cá nhân chết. Năng lực hành vi phát sinh khi cá nhân đạt đến một độ tuổi nhất định và không bị mắc bệnh tâm thần, thể chất làm mất đi khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về

vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính.

Đối với tổ chức

Đối với chủ thể là tổ chức thì năng lực pháp luật và năng lực hành vi cùng xuất hiện khi tổ chức đó được thành lập và cùng mất đi khi tổ chức đó không còn tồn tại. Chủ thể là tổ chức gồm: Cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, đơn vị kinh tế, tổ chức nước ngoài... Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.

*** Hình thức xử lý vi phạm**

Đối với từng hành vi cụ thể Cơ quan có thẩm quyền đưa ra các hình thức xử phạt như sau gồm: Phạt tiền, phạt cảnh cáo là hình phạt chính và hình phạt bổ sung là tịch thu tang vật công cụ, phương tiện thô sơ và các loại cửa xăng...

***Thẩm quyền xử lý vi phạm**

Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất bao gồm:

Cơ quan Kiểm lâm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản

Ngoài ra Cơ quan Công an, Bộ đội biên phòng, Quản lý thị trường có thẩm quyền kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 39,40,45 Luật xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý.

1.2.2. Pháp luật về xử lý vi phạm hình sự đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

Trách nhiệm hình sự là một dạng trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do việc người đó thực hiện tội phạm và là kết quả của việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự, được thể hiện ở bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật, hình phạt và một số biện pháp cưỡng chế hình sự khác do luật hình sự quy định.

1.2.3. Pháp luật về xử lý vi phạm dân sự đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

Theo từ điển Tiếng Việt, trách nhiệm có thể được hiểu theo hai nghĩa: Một là phần được giao cho hoặc coi như được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả.

Hai là sự ràng buộc đối với lời nói, hành vi của mình, bảo đảm đúng đắn, nếu sai trái thì phải gánh chịu phần hậu quả.

Với trách nhiệm pháp lý, khi đó trách nhiệm đã được điều chỉnh và bảo vệ bởi các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và hậu quả này sẽ là hậu quả bất lợi được áp dụng đối với những người phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Trách nhiệm pháp lý phát sinh khi có vi phạm pháp luật và đó là hậu quả của hành vi vi phạm đồng thời trách nhiệm pháp lý thể hiện được sự răn đe đối với những hành vi vi phạm và thể hiện sự răn đe của Nhà nước đối với những hành vi vi phạm.

Trách nhiệm pháp lý là hậu quả bất lợi đối với chủ thể vi phạm pháp luật, thể hiện ở mối quan hệ đặc biệt giữa Nhà nước với các chủ thể vi phạm pháp luật, được các quy phạm pháp luật xác lập và điều chỉnh, trong đó chủ thể vi phạm pháp luật phải chịu những hậu quả bất lợi, những biện pháp cưỡng chế được quy định ở chế tài các quy phạm pháp luật.

Trách nhiệm dân sự là trách nhiệm pháp lý mang tính tài sản được áp dụng đối với người vi phạm pháp luật dân sự nhằm bù đắp về tổn thất vật chất, tinh thần cho người bị thiệt hại. Nếu hiểu theo nghĩa này, trách nhiệm dân sự là loại trách nhiệm pháp lý được đặt ra khi và chỉ khi có sự vi phạm pháp luật dân sự.

Kết luận chương 1

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM TRONG LĨNH VỰC RỪNG SẢN XUẤT Ở TỈNH BÌNH ĐỊNH

2.1. Thực trạng pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

2.1.1. *Pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất*

Kể từ ngày 01/01/2019 Luật Lâm nghiệp có hiệu lực đã thay thế một số Nghị định trên như: Nghị định 09/2006/NĐ-CP ngày 16/01/2006 về phòng cháy và chữa cháy rừng; Nghị định 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; Quyết định 49/QĐ-TTg ngày 01/11/2016 Ban hành quy chế rừng sản xuất...Tại

Điều 9 Luật lâm nghiệp một lần nữa đã nêu các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động lâm nghiệp.

Ngày 26/4/2017 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Tuy nhiên Luật vẫn được thực hiện và lấy số liệu trong giai đoạn từ năm 2014-2018 nên các vụ án đều áp dụng Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004 và Nghị định 157/2013.

2.1.2. Pháp luật xử lý vi phạm hình sự đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đã quy định một cách cụ thể, chi tiết về tội hủy hoại rừng, thể hiện sự tiến bộ trong trình độ lập pháp của nước ta, cũng như thể hiện tính phù hợp với đòi hỏi, yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm hủy hoại rừng nói riêng, đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

2.1.3. Pháp luật xử lý vi phạm dân sự đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

Để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và đảm bảo sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, Luật dân sự có sự thay đổi rõ rệt. BLDS năm 2015 có hiệu lực đã thay thế BLDS năm 2004, cùng với đó là Luật đất đai năm 2013 có hiệu lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

2.2. Thực trạng vi phạm đối với rừng sản xuất tại tỉnh Bình Định

2.2.1. Thực trạng vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực trạng vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian qua cụ thể như sau:

Năm 2014: Phát hiện 95 vụ phá rừng phòng hộ, diện tích 58,716 ha, không có vụ phá rừng sản xuất nào bị phát hiện. Xảy ra 57 vụ cháy rừng trồng, diện tích 414,24 ha.. So với năm 2013 số vụ cháy tăng 50 vụ, diện tích tăng 407,368 ha (năm 2013, xảy ra 07 vụ cháy rừng trồng, diện tích 6,872 ha). Xảy ra 598 vụ vi phạm hành chính, 04 vụ phá rừng trái pháp luật. Có 15 cán bộ kiểm lâm vi phạm liên quan đến việc để nhiều diện tích rừng bị phá trái pháp luật.

Năm 2015: Các hạt kiểm lâm phối hợp với chính quyền địa phương phá bỏ cây trồng trái phép trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm trái phép với tổng diện tích là 153,768 ha. Năm 2015, diện tích rừng bị phá: 187,997 ha; Xảy ra 25 vụ cháy rừng, tổng

diện tích thiệt hại 114,21 ha, đã huy động 1.901 người tham gia chữa cháy. Trong đó, chức năng rừng sản xuất bị cháy là 73,44 ha. Có 403 vụ vi phạm hành chính; 02 vụ phá rừng trái phép đủ yếu tố truy cứu trách nhiệm hình sự; 01 vụ chống người thi hành công vụ liên quan đến rừng sản xuất. Có 01 công chức kiểm lâm vi phạm liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển rừng sản xuất.

Năm 2016: Lập 415 biên bản vụ vi phạm; 374 vụ vi phạm hành chính; Vi phạm 03 vụ đủ yếu tố để truy cứu trách nhiệm hình sự. Năm 2016 xảy ra 45 vụ cháy rừng và 01 vụ cháy thực bì với tổng diện cháy 182,23 ha. So với năm 2015, số vụ cháy tăng 21 vụ, diện tích tăng 68,02 ha. Năm 2016, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 223 vụ phá rừng trái pháp luật với diện tích rừng bị phá là 276,53 ha. So với năm 2015, diện tích rừng bị phá tăng 88,54 ha. Lấn chiếm đất rừng sản xuất: Diện tích đất chưa có rừng quy rừng sản bị lấn, chiếm trái pháp luật là 196,08 ha.

Năm 2017: Trong năm 2017 diện tích đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm trái phép là 83,7 ha. Đã xảy ra 53 vụ phá rừng, với diện tích rừng sản xuất bị phá là 102,7 ha. Đặc biệt trong năm 2017 đã xảy ra một số vụ phá rừng nghiêm trọng, như: Vụ phá rừng tại xã An Hưng, huyện An Lão với diện tích 60,9 ha, vụ phá rừng tại xã Đăk Mang, huyện Hoài Ân với diện tích 21,14 ha, vụ phá rừng tại xã Canh Thuận, huyện Vân Canh; đã xảy ra 8 vụ cháy rừng với tổng diện tích thiệt hại là 23,2 ha, trong đó rừng quy hoạch chức năng sản xuất 4,81 ha.

Năm 2018: Đã xảy ra 14 vụ cháy rừng trồng với diện tích thiệt hại 32,05 ha. Trong đó rừng quy hoạch chức năng sản xuất 16,85 ha. Trên địa bàn tỉnh xảy ra 20 vụ phá rừng trái pháp luật với diện tích 4,19 ha. Đã xảy ra 16 vụ chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật với diện tích 4,71 ha. Đã xảy ra 06 vụ khai thác rừng tự nhiên trái pháp luật. Các hạt kiểm lâm và các Ban quản lý rừng phòng hộ đã tham mưu cho UBND cấp huyện huy động lực lượng phá bỏ cây trồng trái pháp luật trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn chiếm trái pháp luật với tổng diện tích phá bỏ là 94,77 ha.

2.2.2. Nguyên nhân vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Định

Diện tích rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định rừng bị phá là do những nguyên nhân sau:

- Nguyên nhân của tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp còn diễn biến phức tạp là do giá trị cây keo, bạch đàn tăng cao nên nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp để trồng rừng nguyên liệu giấy của người

dân rất lớn. Nhiều hộ gia đình nhận khoán bảo vệ rừng không thực hiện việc kiểm tra rừng nên không phát hiện kịp thời rừng bị phá. Cơ quan quản lý nhà nước chưa kiên quyết xử lý việc sử dụng, sang nhượng, mua bán, lấn chiếm trái phép đất lâm nghiệp, nhất là đối với đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số. Nguồn nhân lực làm nhiệm vụ bảo vệ rừng còn thiếu hụt trầm trọng. Một số xã chưa làm tốt trách nhiệm của mình trong công tác đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng này

- Công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật và cơ chế chính sách về lâm nghiệp chưa được thực hiện có hiệu quả. Nhất là người đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa chưa nhận thức đầy đủ tính cấp thiết của việc bảo vệ và phát triển rừng, do đó vẫn tiếp tục chặt phá rừng, khai thác gỗ kiếm kế sinh nhai, lấy đất canh tác hoặc làm thuê cho bọn đầu nậu, kẻ có tiền.

- Chủ rừng là các ban quản lý rừng, Công ty Lâm nghiệp còn thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng; lực lượng bảo vệ rừng quá ít so với diện tích rừng được giao; địa hình phức tạp, hẻo lánh, xa xôi nên không đủ sức để kiểm tra tận gốc dẫn đến nạn phá rừng, khai thác gỗ trái pháp luật xảy ra. Một số cá nhân có biểu hiện thông đồng, tiếp tay cho hành vi phá rừng, khai thác gỗ trái phép.

- Quyền và nghĩa vụ của chủ rừng thiếu rõ ràng; khi rừng bị mất, chủ rừng là các ban quản lý rừng, công ty Lâm nghiệp chưa được quy trách nhiệm cụ thể. Cá biệt hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư khi nhận khoán quản lý bảo vệ rừng chưa thể hiện hết trách nhiệm của mình, thiếu tổ chức tuần tra, kiểm tra để phát hiện, ngăn chặn và báo cáo kịp thời tình hình rừng bị xâm hại. Công tác giao, khoán rừng còn mang tính chất hình thức, còn nhằm mục đích xóa đói giảm nghèo, nhiều cá nhân, hộ gia đình không có năng lực để bảo vệ nhưng rừng vẫn được giao nhận khoán.

- Phương án giao đất lâm nghiệp, giao rừng cho người dân quản lý, bảo vệ chưa đáp ứng tình hình thực tế; công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai thiếu tính khoa học, chưa đồng bộ; việc cấp giấy chứng nhận sử dụng đất còn chậm, có nơi đất được sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp nhưng vẫn chưa được cấp quyền sử dụng.

- Lực lượng kiểm lâm địa bàn tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương còn hạn chế về năng lực; công tác phối hợp với lực lượng như công an, dân quân tự vệ và đơn vị chủ rừng chưa thực sự có hiệu quả, thiếu chặt chẽ để ngăn chặn, phát hiện xử lý hành vi phá rừng, khai thác lâm sản trái phép; một số kiểm lâm địa bàn còn thiếu trách nhiệm,

hiều nơi đê rừng bị phá trong thời gian dài nhưng không kịp thời phát hiện, báo cáo.

- Chính quyền địa phương chưa thực hiện tốt trách nhiệm của mình được quy định tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTG ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng, nhất là cấp xã còn buông lỏng quản lý, khâu tuyên truyền về bảo vệ và phát triển rừng còn hạn chế, kể cả công tác phối hợp tổ chức kiểm tra, đấu tranh xử lý thiếu kịp thời, không nghiêm. Một số địa phương chưa thực sự quan tâm thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, thiếu quyết liệt trong công tác chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực trạng xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định

2.3.1. Tình hình xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định

2.3.2. Kết quả đạt được

Về xử lý vi phạm hành chính đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

Trong 5 năm qua từ năm 2014-2018 các cơ quan có thẩm quyền đã xử phạt hành chính đối với 1.665 vụ vi phạm hành chính đối với hành vi để xảy ra cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm rừng sản xuất.

Năm 2014: Đã xử lý hành chính 598 vụ; tịch thu 21.949,5 kg quả ươi, 800 kg quả xoay, 14.654 kg than hầm, 179 mô tô, 12 ô tô, 10 xe đạp, 04 máy cưa xăng cầm tay. Thu nộp vào tài khoản tạm giữ 7.218.265.000.

Ngoài ra thi hành kỷ luật đối với 15 công chức có vi phạm đến công tác bảo vệ rừng cụ thể: Thi hành kỷ luật 01 Hạt trưởng, 01 Phó Hạt trưởng, 01 Trạm trưởng, 01 Phó Trạm trưởng, 06 công chức và lao động hợp đồng với hình thức khiển trách; giáng chức 01 Trạm trưởng; cảnh cáo 04 công chức.

Năm 2015: Các hạt kiểm lâm phối hợp với chính quyền địa phương phá bỏ cây trồng trái phép trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm trái phép với tổng diện tích phá bỏ là 153,768 ha. Đã xử lý hành chính 403 vụ; tịch thu 305,191 m³ gỗ các loại, 3.370 kg than hầm, 28 máy cưa xăng cầm tay, 156 mô tô, 13 ô tô. Xử lý kỷ luật 01 công chức với hình thức cảnh cáo.

Năm 2016: Lập biên bản 415 vụ vi phạm về quản lý lâm sản. Xử lý hành chính 374 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách: 5.508.105.250 đồng.

Xử lý hành chính 05 vụ cháy rừng thu nộp ngân sách 7.000.000. Đối với hành vi phá rừng trái phép năm 2016, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 223 vụ phá rừng trái pháp luật với diện tích rừng bị phá là 276,53 ha. Tuy nhiên chỉ xử lý hành chính 18 vụ, đồng thời thu nộp ngân sách 109.000.000 đồng. Đối với hành vi lấn, chiếm đất rừng sản xuất là 196,08 ha, xử lý 14 vụ, thu nộp ngân sách 43.000.000 đồng. Đối với việc thực hiện biện pháp phá bỏ cây trồng trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm trái phép: Để hạn chế tình trạng phá rừng, lấn, chiếm đất lâm nghiệp, trong năm 2016 các hạt kiểm lâm đã tham mưu cho UBND các huyện huy động lực lượng phá bỏ cây trồng trái pháp luật trên diện tích rừng bị phá, đất lâm nghiệp bị lấn, chiếm trái phép với tổng diện tích phá bỏ là 432,94 ha.

Năm 2017: Đã xảy ra 08 vụ cháy rừng trồng với diện tích thiệt hại 23,20 ha. Tuy nhiên mới xử lý 02 vụ. Đối với hành vi phá rừng trái pháp luật đã xảy ra 75 vụ phá rừng trái pháp luật với diện tích 139,13ha. Đã xử lý 41 vụ; cụ thể: Xử lý hành chính 30 vụ. Đối với hành vi lấn, chiếm đất chưa có rừng quy hoạch rừng sản xuất: Đã xảy ra 111 vụ lấn, chiếm đất lâm nghiệp trái pháp luật với diện tích 112,48 ha. Đã xử lý hành chính 09 vụ; Số vụ lấn, chiếm đất lâm nghiệp phát hiện từ đầu năm 2017 đến nay chưa xử lý là 103 vụ. Kiểm lâm địa bàn đã chuyển hồ sơ cho địa chính xã để tham mưu cho UBND xã xử lý theo quy định của Luật đất đai.

Đối với hành vi khai thác lâm sản trái phép đã xảy ra 09 vụ nhưng mới xử lý hành chính 07 vụ. Thu nộp vào Ngân sách nhà nước 3.525.634.000 đồng.

Năm 2018: Đã xảy ra 324 vụ vi phạm. Đã xử lý 256 vụ, đạt 79,01%.

Cháy rừng xảy ra 14 vụ, đã xử lý 02 vụ. Còn lại 12 vụ chưa xử lý. Các hạt kiểm lâm đã và đang phối hợp với Công an huyện và các ngành chức năng điều tra nhưng chưa tìm ra đối tượng để xử lý.

Phá rừng đã xảy ra 20 vụ, xử lý 16 vụ (15 vụ xử lý hành chính, 01 vụ xử lý hình sự). còn 04 vụ chưa xử lý. Trong đó có 01 vụ ở huyện Tây Sơn đã tìm ra đối tượng, đang hoàn chỉnh hồ sơ để khởi tố theo quy định của pháp luật, còn lại 03 vụ tại các huyện Vĩnh Thạnh, Vân Canh, Phù Mỹ chưa tìm ra đối tượng để xử lý.

Khai thác lâm sản trái pháp luật: xảy ra 06 vụ, đã xử lý 05 vụ(04 vụ hành chính và 01 vụ hình sự); tịch thu 1,283 m³ gỗ các loại, 02 cửa máy cầm tay; phạt tiền 72.000.000đ.

Lấn chiếm đất lâm nghiệp: Xảy ra 16 vụ, các hạt kiểm lâm huyện phối hợp với địa chính xã xử lý 09 vụ, còn lại 07 vụ chưa xử lý, lý do: Kiểm lâm địa bàn đã chuyển hồ sơ cho Địa chính xã tham mưu UBND xã xử lý theo quy định của Luật đất đai. Thu nộp vào ngân sách Nhà nước 3.146.119.000đ.

Về xử lý vi phạm hành chính đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

Năm 2014: Khởi tố 06 vụ/06 bị can (trong đó khởi tố mới 03 vụ/04 bị can) đề nghị truy tố 04 vụ/05 bị can. Đình chỉ 01 vụ/00 bị can do không tìm ra đối tượng thực hiện hành vi phạm tội và đã hết thời hạn điều tra. Viện kiểm sát hai cấp truy tố 04 vụ/05 bị can; Tòa án thụ lý 12 vụ/13 bị cáo và đã đưa ra xét xử 08 vụ/08 bị cáo. Năm 2014 số vụ án hủy hoại rừng được đưa ra xét xử chiếm 1,18% (Tổng số các vụ án khởi tố là 859 vụ/1616 bị can). Kết quả: 06 bị cáo xét xử phạt tù từ 03 năm trở lên, 02 bị cáo bị phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Năm 2015: Toàn tỉnh thụ lý án khởi tố tại Cơ quan CSĐT công an 02 vụ/02 bị can (Trong đó án mới 01 vụ/01 bị can), đề nghị truy tố 02 vụ/ 02 bị can. Truy tố 02 vụ/02 bị can. Tòa án thụ lý 06 vụ/ 07 bị cáo, xét xử 03 vụ/04 bị cáo. Án hủy hoại rừng xét xử chiếm 0,5% tổng số án xét xử (Tổng số vụ án xét xử năm 2015 là 645 vụ/1265 bị cáo).

Năm 2016: Cơ quan CSĐT Công an các cấp đã khởi tố 07 vụ/07 bị can về tội hủy hoại rừng (khởi tố mới 07 vụ/07 bị can); đề nghị truy tố 04 vụ/05 bị can; Tạm đình chỉ 01 vụ, lý do chưa xác định được đối tượng. Tòa thụ lý 07 vụ/08 bị cáo, xét xử 02 vụ/02 bị cáo.

Năm 2017: Cơ quan CSĐT Công an các cấp đã khởi tố 14 vụ/18 bị can về tội hủy hoại rừng (khởi tố mới 13 vụ/18 bị can, án cũ 01 vụ); Đề nghị truy tố 09 vụ/10 bị can; Tòa thụ lý 14 vụ/16 bị cáo (án cũ 05 vụ/06 bị cáo). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh khởi tố bị can đã bắt tạm giam 04 tháng với 04 đối tượng và khởi tố cho tại ngoại cấm đi khỏi địa phương đối với 04 đối tượng. Từ xử lý hình sự đối với các bị cáo hủy hoại rừng dẫn đến việc xử lý trách nhiệm đối với công chức kiểm lâm trong vụ phá rừng ở xã An Hưng: Kỷ luật Cảnh cáo: 02 Hạt trưởng, 02 Phó Hạt trưởng, 01 kiểm lâm địa bàn; kỷ luật Hạ bậc lương: 01 kiểm lâm địa bàn; kỷ luật Khiển trách: 01 Trạm trưởng, 02 kiểm lâm địa bàn.

Năm 2018: Cơ quan Công an đã khởi tố 16 vụ/17 bị can về tội hủy hoại rừng đồng thời truy tố, xét xử đối với 16 vụ/17 bị can, so với tổng

số các loại tội phạm bị khởi tố, truy tố, xét xử thì tội Hủy hoại rừng chiếm tỷ lệ 2% (tổng số vụ, bị can khởi tố là 792/1705).

Về xử lý vi phạm hành chính đối với vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất: Trong giai đoạn từ năm 2014-2018, toàn tỉnh đã khởi tố 45 vụ/50 bị can, gây thiệt hại hơn 13 tỷ đồng⁵, tuy nhiên các bị can, bị cáo, bị án mới chỉ khắc phục chưa được 1/2 số tiền do hành vi mình gây ra đối với diện tích rừng.

2.3.3. Những vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật để xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Bình Định

- Việc đánh giá và áp dụng dấu hiệu "đã bị XPHC về hành vi này mà còn vi phạm" trong thực tế còn gặp phải một số hạn chế. Trong số các vụ án hủy hoại rừng được tiến hành điều tra, truy tố và xét xử thời gian qua, bên cạnh việc áp dụng dấu hiệu này chính xác thì cũng còn tồn tại một số vụ án chưa chính xác, đó là có trường hợp cùng một diện tích rừng vừa bị XPHC vừa bị truy cứu TNHS là không đúng theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 157/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; cũng như không đúng tinh thần được quy định trong Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sau đây gọi là Nghị định 81/2013/NĐ-CP) đó là một hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần nhằm bảo đảm quyền lợi cho người bị áp dụng.

- Luật Xử lý vi phạm hành chính, đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép, vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm. Tuy nhiên, theo Điều 22 Nghị định số 157/2013/NĐ - CP, chưa rõ hình thức xử phạt bổ sung trong trường hợp phương tiện vi phạm bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép là gì, đã khiến lực lượng chức năng lúng túng không biết xử lý như thế nào.

Kết luận chương 2

Chương 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN
PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ XỬ LÝ VI PHẠM
TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ RỪNG SẢN XUẤT

3.1. Phương hướng nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng

3.2. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

3.2.1. Những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ rừng sản xuất

* Bổ sung hoàn thiện pháp luật

* Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật trong công tác bảo vệ rừng

* Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xử lý vi phạm

3.3. Kiến nghị

3.3.1. Việc thực hiện và áp dụng, triển khai pháp luật

3.3.2. Đối với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

3.3.3. Đối với cơ quan kiểm lâm

3.3.4. Đối với chính quyền địa phương

Kết luận chương 3

Kết luận

